VNUHCM Journal of Economics, Business and Law 2026, 10(4):7114-7123

Bài nghiên cứu

Open Access Full Text Article

Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 – 2024

Nguyễn Đình Bình*, Nguyễn Chí Hải, Huỳnh Ngọc Chương, Phạm Mỹ Duyên

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Bài viết phân tích tình hình tăng trưởng và các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam giai đoạn 2015 - 2024. Bằng việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp phân tích tổng hợp, trên dữ liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam, nghiên cứu đã phác họa bức tranh tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Đông Nam Bộ. Bài viết đã chỉ ra, tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2015 – 2024 chịu ảnh hưởng của 6 nhân tố (1) chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển; (2) nguồn lực con người; (3) khoa học công nghệ; (4) vốn đầu tư; (5) kết cấu hạ tầng; (6) nguồn lực tự nhiên. Trên cơ sở phân tích có hệ thống, bài viết đề xuất năm giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ trong tình hình mới, gồm: (1) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách phát triển vùng Đông Nam bộ; (2) Đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển; (3) Thực hiện tốt Nghị quyết Số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; (4) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng dựa vào công nghệ; (5) Phát triển cơ sở hạ tầng kết nối các địa phương trong khu vực.

Từ khoá: Tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ, nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, kinh tế vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2015 – 2024

GIỚI THIỆU

Đông Nam Bộ là vùng kinh tế phát triển năng động nhất Việt Nam, với diện tích 23,6 nghìn km^2, chiếm 7,5% diện tích cả nước, dân số 19.018.800 người, chiếm 18,96% tổng dân số cả nước. Tính đến năm 2024, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của toàn vùng là 10.632.700 người, chiếm 55,27% trong tổng dân số của vùng và chiếm 20,08% tổng lực lượng lao động của cả nước. Giai đoạn 2015 – 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của vùng Đông Nam bộ đạt 6,09%, đặc biệt từ sau đại dịch covid 19, kinh tế khu vực Đông Nam bộ đạt tốc độ tăng trưởng 8,51% năm 2022 và 8,52% năm 2024. Quy mô nền kinh tế năm 2024 đạt 3.380.089 tỷ đồng, chiếm 29,36% tổng sản phẩm của cả nước, đóng góp 38% tổng thu ngân sách (trong đó TP HCM đạt 502.000 tỷ, đóng góp khoảng 27% tổng thu ngân sách cả nước) và hơn 35% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Đến năm 2024, Đông Nam bộ có 1834 dự án được cấp phép, với tổng vốn đăng ký 9850,8 triệu USD, chiếm 54,34% số dự án và 25,77% vốn đăng ký trong tổng FDI của cả nước. Thu nhập bình quân đầu người tăng đều qua các năm và đạt 7.306 USD/người/năm vào năm 2024, gấp 1,55 lần so với mức thu nhập trung bình của của cả nước. Tổng vốn đầu tư của khu vực đạt 3692,1 tỷ đồng năm 2024, chiếm 14,22% tổng vốn đầu tư của cả nước. Cơ cấu ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản đã từng bước được chuyển dịch theo hướng giảm dần ở mức 9,96%, tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 50,09% và tỷ trọng ngành công nghiệp ổn định ở mức 31,1% năm 2024[1].

Bài viết chọn giai đoạn 2015 – 2024 để phân tích nhằm đánh giá tác động của các Nghị quyết của Trung ương trong phát triển vùng Đông Nam bộ như Nghị quyết 53-NQ/TW, Kết luận số 27-KL/TW Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị, đồng thời xem xét những hồi phục của khu vực này từ sau đại dịch covid 19.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Khái niệm tăng trưởng kinh tế

Trong nghiên cứu của S. Kuznets[2], tác giả cho rằng tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng lâu dài về khả năng cung ứng hàng hóa và dịch vụ trên đầu người của một quốc gia, dựa trên sự tiến bộ của công nghệ, các điều chỉnh về thể chế và tư duy sản xuất của con người. Một nghiên cứu của Balcerowicz L và Cojocaru D[3], tăng trưởng kinh tế là một quá trình thay đổi về lượng, chất và cơ cấu, có tác động tích cực đến nền kinh tế và mức sống của người dân, có xu hướng theo một quỹ đạo liên tục tăng lên.

Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Đình Bình, Trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Email: ndbinh@uel.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 04-08-2025
- Ngày sửa đổi: 25-02-2026
- Ngày chấp nhận: 16-09-2026
- Ngày đăng: 16-11-2026

DOI : https://doi.org/10.32508/vnuhcmj-ebl.v10i4.1704

Check for updates

Bản quyền

© Tạp chí ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Trích dẫn bài báo này: Đình Bình N, Chí Hải N, Ngọc Chương H, Mỹ Duyên P. **Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 – 2024**. *VNUHCM J. Econ. Bus. Law.* 2026; 10(4):7114-7123.

Ngân hàng Thế giới mô tả tăng trưởng xanh là "một mô hình tăng trưởng sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả, sạch ở chỗ giảm thiểu ô nhiễm và tác động môi trường, và bền vững ở chỗ tính đến các mối nguy hiểm tự nhiên và vai trò của quản lý môi trường và vốn tự nhiên trong việc phòng ngừa thảm họa"[4].

Trên cơ sở kế thừa từ các nghiên cứu trước, tác giả cho rằng: tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng về quy mô sản lượng hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trong một nền kinh tế trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm), được đo lường bằng sự gia tăng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc Tổng sản phẩm quốc dân (GNP) hoặc quy mô sản lượng quốc gia tính bình quân trên đầu người (PCI).

Tổng quan tình hình nghiên cứu về nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế

Trường phái cổ điển (W. Petty, A Smith, D. Ricardo), cho rằng, tăng trưởng kinh tế phụ thuộc vào vốn, lao động và tài nguyên. Bàn về các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, từ rất sớm Robert M. Solow[5] đã nhấn mạnh tầm quan trọng của cả vốn vật chất và con người trong tăng trưởng kinh tế dài hạn. Các mô hình tăng trưởng kinh tế của R. J. Lucas[6] coi vốn con người là một yếu tố quan trọng của quá trình phát triển và khẳng định rằng nó là nguyên nhân dẫn đến hầu hết những thành công đạt được ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu của Becker GS[7] đã nhấn mạnh rằng đầu tư vào giáo dục và đào tạo nâng cao năng suất lao động là động lực dẫn đến tăng trưởng kinh tế. Trong khi nghiên cứu của Paul M. Romer[8] nhấn mạnh tăng trưởng kinh tế chủ yếu là kết quả của các lực nội sinh chứ không phải nguồn lực bên ngoài. Các nghiên cứu thực nghiệm sau đó đã cung cấp thêm bằng chứng cho thấy, tăng trưởng kinh tế không chỉ phụ thuộc vào vốn vật chất, mà nguồn nhân lực cũng đóng một vai trò quan trọng. Một nghiên cứu xuyên quốc gia của Robert J. Barro[9] đã tìm thấy mối tương quan chặt chẽ giữa đầu tư vốn, giáo dục, ổn định chính trị và tỷ lệ tiết kiệm cao với tăng trưởng kinh tế dài hạn. Phân tích tăng trưởng kinh tế tại 33 quốc gia thành viên OECD giai đoạn 1996-2018, nghiên cứu của Huy, D. Q[10] đã nhận thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài, hội nhập kinh tế quốc tế và đổi mới trong dài hạn thúc đẩy mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế, trong khi đó việc đổi mới trong ngắn hạn lại có mối tương quan nghịch biến. Kết quả này được tìm thấy trong nghiên cứu của Hưng, T.V[11] đối với tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Nghiên cứu của Kumari R, và Singh SK[12] ở 27 quốc gia có thu nhập thấp và 58 quốc gia có thu nhập cao giai đoạn 2000 - 2019 đã cho thấy công nghệ thông tin và truyền thông, phát triển tài chính và độ mở thương mại có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia có thu nhập thấp nhưng lại không có ý nghĩa đối với các nước thu nhập cao. Nghiên cứu ở các nước G7, Pradhan và cộng sự[13] đã cho thấy mức tiêu thụ năng lượng và lượng khí thải CO2 có tác động tích cực đến GDP bình quân đầu người.

Bằng phương pháp GMM sai phân trên dữ liệu bảng của 8 địa phương thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong giai đoạn 2009-2017, nghiên cứu của Ngân. H.T.T và cộng sự[14] đã cho thấy, khi chỉ số sẵn sàng ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin tăng 1%, tổng sản phẩm nội địa (GDP) của các địa phương trong khu vực có thể tăng thêm 0,84%. Tiếp tục nghiên cứu ở vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Hai. D. T và cộng sự[15] đã cho thấy sự thay đổi trong cấu trúc ngành kinh tế ở các địa phương khác nhau có mối quan hệ tích cực đến tăng trưởng kinh tế và chiều hướng phát triển kinh tế của Vùng. Các nghiên cứu về tăng trưởng và phát triển kinh tế Vùng Đông Nam Bộ thường tập trung nghiên cứu từng khía cạnh đối với quá trình tăng trưởng, như Thọ. T. B[16] đã khẳng định vai trò quan trọng của khoa học công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ; Hoài. N. T[17] đã nhận diện các điểm nghẽn tăng trưởng và các khuyến nghị tái cấu trúc kinh tế vùng; nghiên cứu của Nam. N. H[18] đã đề xuất các khuyến nghị ở khía cạnh chính sách phát triển kinh tế xanh cho vùng Đông Nam Bộ.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp chủ đạo của nghiên cứu này là phương pháp định tính, trong đó tác giả sử dụng phương pháp thống kê mô tả nhằm lược khảo được các nghiên cứu thực nghiệm, khái quát và xây dựng được khung lý thuyết về tăng trưởng kinh tế, nhận diện bức tranh tăng trưởng kinh tế của vùng Đông Nam Bộ và phân tích chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn vùng. Phương pháp phân tích tổng hợp kết hợp với phương pháp suy luận logic, tác giả phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế và các khuyến nghị khoa học. Dữ liệu nghiên cứu dựa vào bộ số liệu của Tổng cục thống kê Việt Nam và Cục Thống kê các địa phương có liên quan.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Tình hình tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ

Với những chủ trương đúng đắn của Đảng, sự chủ động trong điều hành của chính phủ và sự linh hoạt của chính quyền địa phương, vùng Đông Nam bộ đã tận dụng tốt những nguồn lực bên ngoài, khai thác có

hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh đạt được nhiều kết quả.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 2015 – 2024 vùng Đông Nam bộ đạt 6,09%, đặc biệt giai đoạn từ 2015 – 2019, vùng Đông Nam bộ đạt tốc độ tăng trưởng khá cao với mức 6.74% (Hình 1).

Tuy nhiên, dưới tác động tiêu cực của đại dịch covid – 19, nguồn cung ứng hàng hóa, dịch vụ bị đứt gãy, sản xuất, dịch vụ bị ngừng trệ, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Vùng có sự sụt giảm nghiêm trọng, chỉ đạt mức 1,86% năm 2020 và 2,11% năm 2021, thấp hơn mức tăng trưởng trung bình chung của cả nước ở mức 2,91% và 2,6%. Sau khi đại dịch covid được khống chế, chính quyền địa phương các tỉnh vùng Đông Nam bộ đã tích cực triển khai các biện pháp nhằm đưa hoạt động kinh tế trở lại trạng thái bình thường, đồng thời khuyến khích các chủ thể kinh tế đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất. Vì vậy, nền kinh tế các tỉnh vùng Đông Nam bộ đã phục hồi mạnh mẽ, đạt mức tăng trưởng cao nhất trong 10 năm với 8,51% năm 2022 và 8,52% năm 2024.

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức khá cao trong suốt nhiều năm đã làm cho quy mô nền kinh tế của vùng Đông Nam bộ tăng đều, từ 1.773.884 tỷ đồng năm 2015 lên 2.541.095 tỷ đồng năm 2019 và đạt 3.380.089 tỷ đồng năm 2024, chiếm 29,36% tổng sản phẩm của cả nước. Trong đó, đóng góp lớn nhất vào tổng quy mô nền kinh tế vùng Đông Nam bộ là thành phố HCM, đạt 51,81%, tiếp đến là Bình Dương với 15,54%, Đồng Nai đạt 14,28% và Bà Rịa Vũng Tàu đạt 11,71% và năm 2024 (Bảng 1).

Sự tăng lên của quy mô nền kinh tế kéo theo thu nhập bình quân đầu người của vùng Đông Nam bộ cũng tăng lên đáng kể. Số liệu từ niên giám thống kê các tỉnh trong khu vực cho thấy, thu nhập bình quân đầu người vùng Đông Nam bộ tăng từ 5049 USD/người/năm vào năm 2015 lên 6043 USD/người/năm vào năm 2019 và đạt 7.306 USD/người/năm vào năm 2024, gấp 1,55 lần so với mức thu nhập trung bình của của cả nước. Điển hình là Bà Rịa Vũng Tàu với 14.034 USD, thành phố Hồ Chí Minh với 7.711 USD và Bình Dương 7.449 USD (Bảng 2).

Cơ cấu ngành kinh tế vùng Đông Nam bộ cũng từng bước chuyển dịch theo hướng hợp lý, hiệu quả, cho phép phát huy được thế mạnh của vùng trong quá trình phát triển, đồng thời từng bước đáp ứng tốt yêu cầu của khoa học công nghệ và hội nhập kinh tế quốc tế (Hình 2).

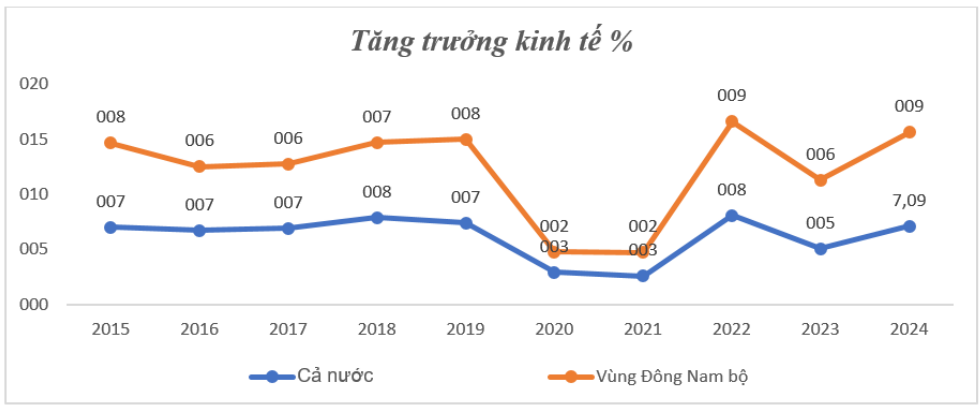
Tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản đã từng bước được chuyển dịch theo hướng giảm dần, từ 14,22% năm 2015, xuống còn 9,96% năm 2024. Điển hình là thành phố Hồ Chí Minh, tỷ trọng ngành nông – lâm – thủy sản chỉ chiếm dưới 1%, từ 0,73% năm 2015, xuống còn 0,51% năm 2024. Tỷ trọng ngành dịch vụ tăng từ 47,61% năm 2015, lên 50,09% năm 2024, trong khi tỷ trọng ngành công nghiệp ổn định ở mức 31,1%.

Thảo luận các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ

Giai đoạn 2015 – 2024, kinh tế vùng Đông Nam bộ đạt mức tăng trưởng trung bình 6,09%, đặc biệt từ sau đại dịch Covid, mức tăng trưởng đạt trên 8%. Đạt được những kết quả trên là do sự tác động của nhiều nhân tố.

Thứ nhất, các chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển

Chủ trương, chính sách và chiến lược phát triển với tư cách là một nhân tố độc lập, trực tiếp tạo khung khổ pháp lý, định hướng phát triển cho mỗi quốc gia, khu vực trong từng thời kỳ nhất định, giúp khai thông các điểm nghẽn, tạo điều kiện sử dụng tối ưu các nguồn lực bên trong và thu hút các nguồn lực bên ngoài cho tăng trưởng kinh tế. Giai đoạn 2015 – 2024, vùng Đông Nam bộ đã có nhiều chủ trương, chính sách, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Nghị quyết số 53-NQ/TW, ngày 29/8/2005 của bộ chính trị khóa IX về đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam đến năm 2020, Kết luận số 27-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 02 tháng 08 năm 2012, Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ; Thông báo số 47-TB/TW của Bộ Chính trị ngày 15/11/2024, về việc xây dựng Trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh. Dưới tác động của các chủ trương, chính sách, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình của Vùng giai đoạn 2005 – 2012 đạt 11%/năm, tỉ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đạt trên 40%, giải quyết việc làm hằng năm cho hơn 50 vạn lao động, giai đoạn 2015 – 2024 đạt tăng trưởng trung bình 6,09%. Kết quả này là phù hợp với các nghiên cứu của Triệu. N. H và cộng sự [19] khi tác giả đã chỉ ra rằng các chính sách của chính phủ về kiểm soát tham nhũng, kiềm chế lạm phát, mở rộng thị trường tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Wanjuu LZ và Le Roux P [20] đã chứng minh rằng, các chính sách về quyền sở hữu, khuyến khích đầu tư tư nhân và sự can thiệp của chính phủ để cung cấp an ninh, cơ sở hạ tầng có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế. Nghiên cứu của Trpeski P và cộng sự [21] đã khẳng định rằng các cải cách thể chế nhằm cải thiện quản trị, kiềm chế tham nhũng, tinh chỉnh khuôn khổ pháp lý, thiết lập một môi trường khuyến khích ổn định kinh tế và



Hình 1: **Tốc độ tăng trưởng GRDP của Vùng Đông Nam bộ, 2015 – 2024.** Trích nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam và các tỉnh vùng Đông Nam bộ 2024

Bảng 1: Tổng sản phẩm theo giá thực tế của cả nước, vùng Đông Nam bộ và thành phố HCM giai đoạn 2015 - 2024. (Đơn vị tính: tỷ đồng)

	Cả nước	Vùng ĐNB	Tỷ lệ %	TP HCM	Tỷ lệ %
2015	5.182.324	1.773.884	34.23	919.025	17,73
2016	5.639.401	1.895.063	33.60	1.005.538	17,83
2017	6.293.905	2.101.735	33.39	1.114.600	17,71
2018	7.009.042	2.344.855	33.45	1.227.061	17,51
2019	7.707.200	2.541.095	32.97	1.343.673	17,43
2020	8.044.386	2.576.515	32.03	1.371.510	17,05
2021	8.487.476	2.598.306	30.68	1.323.474	15,59
2022	9.548.737	2.954.856	29.97	1.479.227	15,49
2023	10.221.814	3.129.133	30,61	1.621.190	15,86
2024	11.511.900	3.380.089	29,36	1.751.209	15,21

Trích nguồn: GSO, 2024; Niên giám thống kê các tỉnh vùng Đông Nam bộ năm 2024

thu hút đầu tư trong và ngoài nước là điều kiện để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong dài hạn.

Thứ hai, nguồn lực con người

Nguồn lực con người luôn được xác định là nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với quá trình sản xuất. Việc phân bổ nguồn nhân lực là cơ sở để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Đông Nam bộ là khu vực có nguồn nhân lực chất lượng cao chiếm tỷ trong khá cao, tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng dần qua các năm, từ 23,5% năm 2015, lên 28,1% năm 2019 và đạt 30,0% năm 2024, đứng thứ 2 trong cả nước, chỉ sau vùng đồng bằng Sông Hồng và cao hơn so với mức trung bình chung của cả nước (28,4%)[1]. Nguồn nhân lực chất lượng cao của vùng Đông Nam bộ mà đầu tàu là thành phố Hồ Chí Minh đang tạo ra những tác động mạnh mẽ trong quá trình phát triển kinh tế của vùng, tạo sức hút cho các dự án đầu tư nước ngoài chất lượng cao vào khu vực, tạo động lực để chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ chiều rộng sang chiều sâu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Thực tiễn tác động của nguồn nhân lực đối với tăng trưởng kinh tế cũng phù hợp với kết quả nghiên cứu của Tandrayen Ragoobur V và Narsoo J[22] khi khẳng định đầu tư sớm vào giáo dục và y tế đã đóng góp tích cực vào tăng trưởng vùng. Nghiên cứu của Elawady SI, và Ahmed DE[23] khẳng định vốn con người là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.

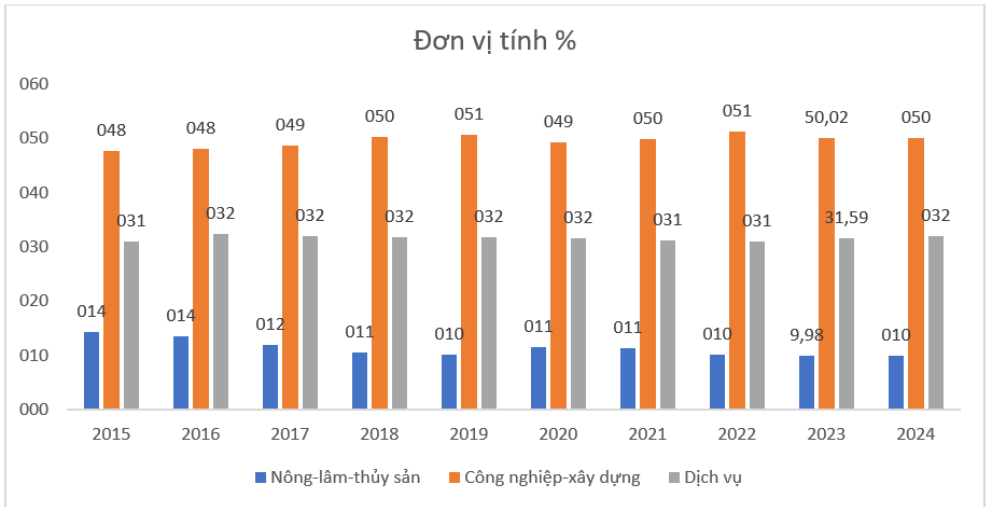
Thứ ba, khoa học công nghệ

Khoa học - công nghệ đã làm thay đổi phương thức tổ chức và vai trò của các yếu tố sản xuất, thay đổi quy trình sản xuất theo hướng tự động hóa đồng bộ,

Bảng 2: Thu nhập bình quân đầu người theo giá thực tế vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2015 – 2024. (Đơn vị tính: USD)

	TP HCM	Đồng Nai	Bình Dương	Bà RịaVũng Tàu	Bình Phước	Tây Ninh	Vùng ĐNB	Cả nước
2015	5102	3739	5277	12093	2004	2079	**5049**	**2596**
2016	5407	3907	5606	10954	2033	2256	**5028**	**2757**
2017	5759	4185	5861	11555	2286	2529	**5362**	**2983**
2018	6138	4524	6031	13562	2457	2758	**5912**	**3250**
2019	6448	4781	6365	12766	2678	3065	**6017**	**3464**
2020	6404	4958	6506	10823	2928	3189	**5813**	**3551**
2021	6304	5209	6680	12863	3289	3299	**6067**	**3720**
2022	6856	5563	6922	15500	3632	3689	**6793**	**4123**
2023	7169	5657	7081	14107	3936	3864	**6806**	**4284**
2024	7711	5931	7449	14034	4463	4250	**7306**	**4700**

Trích nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh vùng Đông Nam bộ năm 2024



Hình 2: Cơ cấu ngành kinh tế vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2015 – 2024. Trích nguồn: Niên giám thống kê các tỉnh vùng Đông Nam bộ năm 2024

tạo ra một hệ thống sản xuất linh hoạt trước những thay đổi của thị trường. Với đầu tàu là thành phố Hồ Chí Minh, chi tiêu ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của vùng Đông Nam bộ chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng chi ngân sách và tăng lên không ngừng qua các năm, từ 702 tỷ đồng năm 2018, chiếm 0,33% lên 2.107 tỷ đồng năm 2023, chiếm 0,66% tổng chi ngân sách nhà nước. Năm 2024 dù có giảm nhưng vẫn đạt 1.785 tỷ đồng, chiếm 0,49% tổng chi ngân sách của vùng[1]. Việc gia tăng chi tiêu cho nghiên cứu khoa học đã trực tiếp tạo ra các công trình nghiên cứu, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khả năng ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, thúc đẩy phát triển các ngành có giá trị gia tăng cao như chế biến chế tạo, chíp bán dẫn, công nghệ sinh học, nông nghiệp thông minh, thương mại điện tử, các ngành dịch vụ mới,…trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Vài trò của khoa học công nghệ đối với tăng trưởng kinh tế đã được chứng minh qua thực tiễn nghiên cứu của Tú. Đ. T[24] đã phát hiện rằng chi tiêu ngân sách cho R&D và số lượng bằng sáng chế có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh

tế ở Trung Quốc. Ở trình độ cao của khoa học công nghệ, các nghiên cứu của các tác giả Wang Q và cộng sự [25], Aly H [26], Tian, X [27], Elfaki KE, và Ahmed EM [28] đều khẳng định sự phát triển kinh tế số tạo ra động lực tác động mạnh mẽ cho tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững.

Thứ tư, vốn đầu tư

Cùng với lao động và khoa học công nghệ thì vốn đầu tư luôn là yếu tố quan trọng của tăng trưởng kinh tế. Quy mô đầu tư là nhân tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế. Việc phân bổ nguồn vốn giữa các ngành, lĩnh vực theo hướng ưu tiên có chọn lọc, có thể cho phép nền kinh tế phát triển các ngành nghề mới, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Số liệu thống kê cho thấy, tổng vốn đầu tư của khu vực Đông Nam bộ đã tăng từ 482,27 nghìn tỷ năm 2015, lên 2803,1 tỷ đồng năm 2019 và đạt 3692,1 tỷ đồng năm 2024, chiếm 14,22% tổng vốn đầu tư của cả nước [1].

Sự tăng lên của nguồn vốn đầu tư trong toàn bộ nền kinh tế, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cho vùng Đông Nam bộ tăng quy mô nền kinh tế, từng bước chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng đầu tư các ngành thâm dụng vốn, thâm dụng khoa học công nghệ, các dịch vụ xanh, vừa thân thiện môi trường vừa tạo ra giá trị gia tăng lớn, thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững. Giai đoạn 2015 – 2024, tăng trưởng kinh tế trung bình đạt 6,09%; đưa quy mô nền kinh tế tăng từ 1.773.884 tỷ đồng năm 2015, lên 3.380.089 năm 2024, chiếm 29,36% tổng GDP của cả nước; thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5049 USD năm 2015, lên 7306 USD năm 2024. Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Phúc. Đ. N [29] ở các nước ASEAN giai đoạn 1995 – 2022 khi tác giả khẳng định rằng trong dài hạn các yếu tố như đầu tư trực tiếp nước ngoài, tích lũy vốn có tác động tích cực và mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế.

Cùng với vốn đầu tư phát triển xã hội từ trong nước, khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đang trở thành một động lực mạnh mẽ của kinh tế vùng Đông Nam bộ. Giai đoạn 2015 đến 2024 vốn đầu tư FDI vào khu vực Đông Nam bộ được cấp phép đứng đầu cả nước cả về số dự án và số vốn đăng ký. Năm 2015, vùng Đông Nam bộ có 977 dự án được cấp phép, với tổng số vốn đăng ký 10594,5 triệu USD, chiếm 46,08% về số dự án và 43,93% về số vốn đăng ký. Đến năm 2024, Đông Nam bộ có 1834 dự án được cấp phép, với tổng vốn đăng ký 9850,8 triệu USD, chiếm 54,34% số dự án và 25,77% vốn đăng ký trong tổng FDI của cả nước [1]. Sự gia tăng mạnh mẽ của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã góp phần hình thành các khu, cụm công nghiệp FDI mạnh, góp phần to lớn vào sản xuất, xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế cũng như tạo công ăn việc làm cho xã hội. Kết quả này là phù hợp với nghiên của Trinh L.D [30], Arbia A, và Sobhi K. [31] khi tác giả kết luận rằng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nhân tố quyết định đến tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm, kết cấu hạ tầng

Cùng với hoàn thiện thể chế và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thì hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại là một trong ba đột phá chiến lược của vùng Đông Nam bộ trong quá trình phát triển. Hệ thống cảng biển (Cảng Cát Lái, Cảng Cái Mép – Thị Vải) là huyết mạch giao thông để gắn kết vùng Đông Nam bộ với khu vực và thế giới, góp phần đưa khu vực tham gia tích cực vào chuỗi giá trị toàn cầu. Sự đồng bộ về hạ tầng và sự phát triển của các khu, cụm công nghiệp là yếu tố then chốt để vùng Đông Nam bộ thu hút dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là dòng vốn FDI, góp phần quan trọng vào việc hình thành nền sản xuất lớn, hiện đại, thúc đẩy việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tạo việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Hạ tầng giao thông thuận tiện cũng là điều kiện để kết nối các địa phương trong nội vùng và kết nối vùng Đông Nam bộ với các địa phương lân cận như Tây Nam bộ, Tây Nguyên, các nước trong khu vực Asean, tạo ra chuỗi cung ứng mở rộng và thị trường tiêu thụ lớn, thúc đẩy chu chuyển nhanh và hiệu quả. Việc phát triển hạ tầng đã tạo ra những tiền đề, điều kiện thúc đẩy phát triển các ngành dịch vụ hiện đại như logistics, tài chính quốc tế, thương mại điện tử và các ngành công nghệ cao, tạo điều kiện để khu vực Đông Nam bộ chuyển dịch từ nền sản xuất thâm dụng lao động sang các ngành có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững. Kết quả này là phù hợp với nghiên cứu của Novitasari F, và cộng sự [32] và cũng được tìm thấy trong các nghiên cứu của Jatayu A, và cộng sự [33], Majumder R. [34], Komornicki T, và cộng sự [35], Nawaz S, và cộng sự [36], Yin F, và cộng sự [37].

Thứ sáu, nguồn lực tự nhiên

Nằm trong khu vực tiếp giáp biển Đông và là cửa ngõ giao thương quốc tế của phía Nam, vùng Đông Nam bộ có vị trí địa lý rất thuận lợi để mở rộng giao thương kinh tế với vùng Đồng bằng sông Cửu Long và các nước ASEAN, tạo cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế. Hệ thống giao thông đường sông, đường biển đã tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho Đông Nam bộ đẩy mạnh xuất nhập khẩu, phát triển các ngành dịch vụ logistics, du lịch biển, công nghiệp cảng, dịch vụ hậu cần trên biển, thu hút đầu tư để hình thành các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Những lợi thế về nguồn lực đất đai như vùng đất đỏ bazan ở Bình Phước và Tây Ninh là điều kiện thúc đẩy phát triển mạnh cây công nghiệp dài ngày như điều, cao su, hồ tiêu, cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến xuất

khẩu, đóng góp vào kim ngạch xuất khẩu nông sản quốc gia.

Đông Nam bộ cũng là nơi có có trữ lượng dầu lớn nhất cả nước, với hơn 400 triệu m^3, chiếm 93,29% của cả nước, trữ lượng khí chiếm 16,2% của cả nước, trở thành địa phương đứng đầu cả nước về khai thác dầu khí. Sự phát triển ngành dầu khí đã tạo ra những tiềm năng to lớn để phát triển các ngành công nghiệp hóa dầu, công nghiệp sau hóa dầu, phân bón, điện khí như Nhà máy điện Phú Mỹ, Nhà máy lọc dầu Long Sơn, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và thúc đẩy công nghiệp nặng phát triển. Khoáng sản, vật liệu xây dựng là nguyên liệu đầu vào phục vụ xây dựng khu công nghiệp, đô thị mới, góp phần trực tiếp vào quá trình đô thị hóa nhanh và công nghiệp hóa của toàn vùng. Ngư trường rộng lớn với trữ lượng hải sản đa dạng, phong phú là điều kiện thúc đẩy phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản, tạo cơ sở nền tảng để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thúc đẩy phát triển kinh tế. Với lợi thế về bờ biển dài, đẹp, vùng nước sâu không chỉ thúc phát triển ngành du lịch biển của vùng, điển hình như Bà Rịa Vũng Tàu, Cần Giờ thành phố Hồ Chí Minh mà còn thúc đẩy dịch vụ cảng biển, hàng hải, logistics quốc tế, là nhân tố tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng kinh tế của vùng. Kết quả này là phù hợp với các nghiên cứu của Kadir MO, và cộng sự [38], Hidayat M, và cộng sự [39], Singh S, và cộng sự [40], Amare MZ, và cộng sự [41], Belloumi M, và cộng sự [42], khi tác tác giả đều khẳng định tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là tài nguyên thiên nhiên ở các quốc gia sản xuất dầu mỏ tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế dài hạn.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Với những tiềm năng, thế mạnh và chính sách phát triển phù hợp của các địa phương, kinh tế vùng Đông Nam bộ đã đạt được những kết quả khả quan. Tuy nhiên, trong những năm gần đây các nguồn lực phục vụ tăng trưởng kinh tế đang có dấu hiệu chững lại, tổng vốn đăng ký và thực hiện của các dự án FDI có xu hướng giảm và thấp hơn khá nhiều so với khu vực Đồng bằng Sông Hồng, tình trạng ùn ứ, ngập nước đang cản trở rất lớn đến việc kết nối giữa các địa phương trong khu vực. Trong điều kiện mới, việc sát nhập tỉnh đang hứa hẹn tạo ra những dư địa mới đòi hỏi vùng Đông Nam bộ phải có những chính sách phù hợp.

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ giai đoạn 2025 – 2030 nhằm hoàn thành mục tiêu tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 8 - 8,5%, tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 7%; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng khoảng 56%; đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 380 triệu đồng, tương đương 14.500 USD. Thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách tinh giản bộ máy nhà nước, hoàn thiện chính quyền địa phương 2 cấp nhằm khơi thông các [7] nguồn lực trong vùng và thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Thứ hai, đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình tác động của công nghệ kỹ thuật số và yêu cầu phát triển của vùng Đông Nam bộ. Đặc biệt, phối hợp tốt với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn để đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của trung tâm tài chính quốc tế tại thành phố Hồ Chí Minh theo Thông báo số 47-TB/TW của Bộ Chính trị ngày 15/11/2024 đã được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025. Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển các trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển các ngành dịch vụ logistics công nghệ cao để kết nối giữa hệ thống cảng biển, cảng hàng không và các khu chế xuất nhằm rút ngắn thời gian chu chuyển, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững.

Thứ ba, thực hiện tốt Nghị quyết Số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22 tháng 12 năm 2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia nhằm tạo động lực cho việc phát triển các phát minh, sáng chế công nghệ, các giải pháp kỹ thuật để áp dụng hiệu quả vào sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế. Phát triển ngành mới có giá trị gia tăng cao như công nghệ bán dẫn, thương mại điện tử, các ngành công nghiệp sau hóa dầu, phát triển thị trường giao dịch tín chỉ carbon.

Thứ tư, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng dựa vào công nghệ, thực hiện chuyển đổi số nhằm tinh giảm các khâu trung gian, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi nhằm thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Khắc phục tình trạng mất cân đối giữa số dự án đầu tư nước ngoài FDI lớn nhất cả nước nhưng tổng vốn đăng ký thực hiện thấp hơn khá nhiều so với khu vực đồng bằng Sông Hồng.

Thứ năm, phát triển cơ sở hạ tầng kết nối các địa phương trong khu vực, tạo giao thông thuận tiện để thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới. Thực hiện tốt, đồng bộ các giải pháp về phát triển đô thị thông minh kết nối với các địa phương trong khu vực, đầu tư cơ sở hạ tầng kết nối vùng trung tâm với khu vực vệ tinh nhằm chuyển dần hoạt động sản xuất ra khỏi khu vực trung tâm, vừa góp phần giải quyết vấn đề ách tắc

giao thông, vừa giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho người dân.

HẠN CHẾ

Bên cạnh những kết quả đạt được, bài nghiên cứu còn tồn tại một số hạn chế: Thứ nhất, nghiên cứu chỉ dừng lại phân tích định tính về các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam bộ mà chưa đủ dữ liệu để phân tích định lượng nhằm có nhiều kênh kiểm chứng giá trị khoa học. Thứ hai, bài nghiên cứu chỉ dừng lại phân tích ở 6 nhân tố tác động, trong khi vẫn còn nhiều yếu tố khác cả về vĩ mô và vi mô chưa có đủ điều kiện để khai thác.

HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu tiếp theo của tác giả sẽ khai thác dữ liệu bảng để kết hợp phân tích định tính và định lượng trong việc đo lường các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế Vùng Đông Nam bộ cả vĩ mô và vi mô.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh theo mã số đề tài: B2004-34-03.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

NQ/TW: Nghị quyết Trung ương
KL/TW: Kết luận Trung ương
USD (United States Dollar): Đô la Mỹ
FDI (Foreingn Direct Investment): Đầu tư trực tiếp nước ngoài
TP HCM: Thành phố Hồ Chí Minh
OECD (*Organisation for Economic Cooperation and Development):* Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
CO2 (Carbon): Các bon
GMM (Generalized Method of Moments): Phương pháp hồi quy
GSO (General Statistics Office of Vietnam): Tổng cục Thống kê Việt Nam
TFP (Total Factor Productivity): Năng suất nhân tố tổng hợp

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

1. Nguyễn Đình Bình – vạch ý tưởng, xây dựng đề cương bài viết, nghiên cứu tổng quan, phân tích kết quả nghiên cứu và đề xuất các hàm ý chính sách.
2. Nguyễn Chí Hải – góp ý đề cương bài báo, góp ý về cách tiếp cận, hiệu chỉnh bài viết, hoàn thiện hàm ý chính sách
3. Huỳnh Ngọc Chương – cung cấp nguồn dữ liệu phục vụ nghiên cứu, góp ý các nội dung của bài viết.
4. Phạm Mỹ Duyên – phụ trách phương pháp nghiên cứu, hỗ trợ dữ liệu và các nghiên cứu thực nghiệm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục Thống kê Việt Nam, "Niên giám Thống kê.," Nhà xuất bản Thống kê., 2024.
2. Kuznets S. Economic Growth and Income Inequality. The American Economic Review. 1955;.
3. Balcerowicz L, Cojocaru D. Libertate şi dezvoltare: economia pieţei libere. Compania; 2001.
4. World Bank, "Green growth for sustainable development.," 2018;.
5. Robert M. Solow. A Contribution to the Theory of Economic Growth. The Quarterly Journal of Economics. 1956;70(1):65–94. Available from: https://doi.org/10.2307/1884513.
6. Lucas RJ. On the Mechanics of Economic Development. Journal of Monetary Economics. 1988;22(1):3–42. Available from: https://doi.org/10.1016/0304-3932(88)90168-7.
7. Becker GS. Human capital: a theoretical and empirical analysis, with special reference to education. Chicago: University of Chicago Press; 1989.
8. Paul M, Romer. The Problem of Development: A Conference of the Institute for the Study of Free Enterprise Systems. Journal of Political Economy. 1990;98(5):71–102.
9. Robert J, Barro. Inequality, Growth and Investment. NBER Working Paper. 1999;7038. Available from: https://doi.org/10.3386/w7038.
10. Huy DQ. Đổi mới đóng vai trò là chiến lược phát triển kinh tế trong ngắn hạn hay dài hạn? Minh chứng thực nghiệm từ các nước OECD. VNU Journal of Economics and Business. 2024;4(3):64–73.
11. Văn HT. Ảnh hưởng của đầu tư nước ngoài, công nghiệp hóa, tài nguyên và đổi mới công nghệ đến tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Tạp Chí Kinh Tế Và Phát triển. 2024;323:45–56. Available from: https://doi.org/10.33301/JED.VI.157.
12. Kumari R, Singh SK. Impact of ICT infrastructure, financial development, and trade openness on economic growth: new evidence from low-and high-income countries. Journal of the Knowledge Economy. 2023;15(2):1–30. Available from: https://doi.org/10.1007/s13132-023-01332-7.
13. Pradhan, et al. Investigating the relationship between economic growth, energy consumption, and carbon dioxide (CO2) emissions: a comparative analysis of South Asian nations and G 7 countries.,. Clean Technologies and Environmental Policy. 2024;26:3349–3367. Available from: https://doi.org/10.1007/s10098-024-02802-5.
14. Tác động của chuyển đổi số đến tăng trưởng kinh tế tại các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tạp chí Nghiên cứu Tài chính – Marketing. 2021;63(3):43–52. Available from: https://doi.org/10.52932/jfm.vi63.162.
15. Hai DT, Toan NQ, Van Tam N. Critical success factors for implementing PPP infrastructure projects in developing countries: the case of Vietnam. Innovative Infrastructure Solutions. 2022;7(1):89. Available from: https://doi.org/10.1007/s41062-021-00688-6.
16. Thọ TB. Khoa học- công nghệ và tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ. Tạp chí Công Thương. 2023;17.
17. Hoài NT. Vùng kinh tế Đông Nam Bộ: Hiện trạng phát triển và các gợi ý tái cấu trúc. In: Conference Paper; 2023.
18. Nam NH. Phát triển chính sách về kinh tế xanh vùng Đông Nam Bộ. Tạp chí Ngân hàng. 2024;p. 2815–6056.
19. Triệu NH, Hiền HM, Khuê NM, Trang BT, Trang NT, Hồng NT. Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế: nghiên cứu thực nghiệm từ các nước châu Á trong giai đoạn 2010 – 2022. Tạp chí Trường Đại học Ngoại thương 2024 Working Paper. 2024;1(2):1–17.

20. Wanjuu LZ, Roux PL. Economic institutions and economic growth: Empirical evidence from the Economic Community of West African States. South African Journal of Economic and Management Sciences. 1607;20(1). Available from: https://doi.org/10.4102/sajems.
21. Trpeski P, Tashevska B, Merdzan G. The role of institutions in economic growth: A systematic literature review. Ekonomski vjesnik/Econviews-Review of Contemporary Business. Entrepreneurship and Economic Issues. 2024;37(2):421–37. Available from: https://doi.org/10.51680/ev.37.2.14.
22. Ragoobur VT, Narsoo J. Early human capital: the driving force to economic growth in island economies. International Journal of Social Economics. 2022;49(11):1680–95. Available from: https://doi.org/10.1108/IJSE-11-2021-0674.
23. Elawady SI, Ahmed DE. Impact of human capital development on economic growth. The case of the Saudi Economy. THE BUSINESS AND MANAGEMENT REVIEW Учредители: Centre for Business and Economic Research. 2024;15(2). Available from: https://doi.org/10.24052/BMR/V15NU02/ART-03.
24. Đ T Tú. Đổi mới sáng tạo và tăng trưởng kinh tế Kinh nghiệm của Trung Quốc và bài học cho Việt Nam. Tạp Chí Nghiên cứu Chính sách Và Phát triển. 2024;1(2):27–37.
25. Wang Q, Sun J, Pata UK, Li R, Kartal MT. Digital economy and carbon dioxide emissions: examining the role of threshold variables. Geoscience Frontiers. 2024;15(3). Available from: https://doi.org/10.1016/j.gsf.2023.101644.
26. Aly H. Digital transformation, development and productivity in developing countries: is artificial intelligence a curse or a blessing? Review of Economics and Political Science. 2022;7(4):238–56. Available from: https://doi.org/10.1108/REPS-11-2019-0145.
27. Tian X. Empowering Real Economy Transformation and Development with Digital Technology: An Analysis Framework Based on Schumpeter's Endogenous Growth Theory. Management World. 2022;38:56–74. Available from: https://doi.org/10.19744/j.cnki.11-1235/f.2022.0076.
28. Elfaki KE, Ahmed EM. Digital technology adoption and globalization innovation implications on Asian Pacific green sustainable economic growth. Journal of Open Innovation. 2024;10(1). Available from: https://doi.org/10.1016/j.joitmc.2024.100221.
29. Đ N Phúc. Ảnh hưởng của công nghiệp hoá, tài nguyên thiên nhiên và năng lượng tái tạo đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN. Tạp chí Kinh tế và Phát triển. 2024;329. Available from: https://doi.org/10.33301/JED.VI.1993.
30. Trinh LD. Determinants of economic growth in Asian countries. Journal of International Studies. 2024;17(4):44–55. Available from: https://doi.org/10.14254/2071-8330.2024/17-4/3.
31. Arbia A, Sobhi K. Foreign direct investment, information and communication technology, and economic growth: the case of North African Countries. Scientific African. 2024;24. Available from: https://doi.org/10.1016/j.sciaf.2024.e02234.
32. Novitasari F, Drestalita NC, Maryati S. The impacts of infrastructure development on economic growth (case study: DKI Jakarta, Banten Province and West Java Province). InIOP Conference Series: Earth and Environmental Science. 2020;592(1). Available from: https://doi.org/10.1088/1755-1315/592/1/0120.
33. Jatayu A, Zahara S, Syafitri RA, Dafadhilah S, Roosyanindhita DR, Sidiq MI, et al. Measuring levels of infrastructure development and its impact on regional Growth-Insights from Indonesia. InIOP Conference Series: Earth and Environmental Science. 2024;1353(1). Available from: https://doi.org/10.1088/1755-1315/1353/1/012011.
34. Majumder R. Infrastructure and regional development: interlinkages in India. Indian Economic Review. 2005;p. 167–84.
35. Komornicki T, Goliszek S. New transport infrastructure and regional development of Central and Eastern Europe. Sustainability (Basel). 2023;15(6):5263. Available from: https://doi.org/10.3390/su15065263.
36. Nawaz S, Mangla IU. The economic geography of infrastructure in Asia: the role of institutions and regional integration. Research in Transportation Economics. 2021;88. Available from: https://doi.org/10.1016/j.retrec.2021.101061.
37. Yin F, Qian Y, Zeng J, Wei X. The spatial spillover effects of transportation infrastructure on regional economic growth—an empirical study at the provincial level in China. Sustainability (Basel). 2024;16(19):8689. Available from: http://doi.org/10.3390/su16198689.
38. Kadir MO, Deka A, Seraj M, Ozdeser H. Capitalizing on natural resources rent and renewable energy in enhancing economic growth—new evidence with MMQR method. InNatural resources forum. Oxford, UK: Blackwell Publishing Ltd; 2025. Available from: https://doi.org/10.1111/1477-8947.12536.
39. Hidayat M, Rangkuty DM, Ferine KF. The influence of natural resources, energy consumption, and renewable energy on economic growth in ASEAN region countries. International Journal of Energy Economics and Policy. 2024;14(3):332–8. Available from: https://doi.org/10.32479/ijeep.15917.
40. Singh S, Sharma GD, Radulescu M, Balsalobre-Lorente D, Bansal P. Do natural resources impact economic growth: an investigation of P5+ 1 countries under sustainable management. Geoscience Frontiers. 2024;15(3):101595. Available from: https://doi.org/10.1016/j.gsf.2023.101595.
41. Amare MZ, Mulugeta W, Mencha M. Nexus between natural resource endowments and economic growth in selected African countries. Discover Sustainability. 2024;5(1):255. Available from: https://doi.org/10.1007/s43621-024-00448-3.
42. Belloumi M, Almashyakhi AA. Impact of natural resource rents and governance on economic growth in major MENA oil-producing countries. Energies. 2025;18(8):2066. Available from: https://doi.org/10.3390/en18082066.

VNUHCM Journal of Economics, Business and Law 2026, 10(4):7114-7123

Research Article

Open Access Full Text Article

Analysis of factors affecting economic growth in the Southeastern region of Vietnam, period 2015 – 2024

Nguyen Dinh Binh*, Nguyen Chi Hai, Huynh Ngoc Chuong, Pham My Duyen

Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

This article analyzes the growth performance and the factors influencing the economic growth of the Southeast Region of Vietnam during the 2015–2024 period. By employing descriptive statistics and synthetic analysis methods based on data from the General Statistics Office of Vietnam, the study delineates the landscape of economic growth and structural transformation within the region. The findings indicate that economic growth in the Southeast Region from 2015 to 2024 was driven by six key factors: (1) development orientations, policies, and strategies; (2) human resources; (3) science and technology; (4) investment capital; (5) infrastructure; and (6) natural resources. Based on a systematic analysis, the article proposes five solutions to bolster the region's economic growth in the new context: (1) continuing the effective implementation of development policies specifically tailored for the Southeast Region; (2) strengthening the linkages between enterprises and universities to cultivate high-quality human resources that meet developmental demands; (3) effectively implementing Resolution No. 57-NQ/TW regarding breakthroughs in science, technology, and innovation; (4) advancing administrative reforms through technology-driven approaches; and (5) developing interconnected infrastructure to enhance regional connectivity.

Key words: Economic growth in the Southeast region, factors influencing economic growth, the economy of the Southeast region in the period 2015 – 2024

University of Economics and Law, VNU-HCM, Vietnam

Correspondence

Nguyen Dinh Binh, University of Economics and Law, VNU-HCM, Vietnam

Email: ndbinh@uel.edu.vn

History

- Received: 04-08-2025
- Revised: 25-02-2026
- Accepted: 16-09-2026
- Published Online: 16-11-2026

DOI : https://doi.org/10.32508/vnuhcmjebl.v10i4.1704

Check for updates

Copyright

© VNUHCM Journal. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.

Cite this article : Dinh Binh N, Chi Hai N, Ngoc Chuong H, My Duyen P. **Analysis of factors affecting economic growth in the Southeastern region of Vietnam, period 2015 – 2024**. *VNUHCM J. Econ. Bus. Law.* 2026; 10(4):7114-7123.